

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2023/HS-ST
Ngày 24-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi;

Ông Nguyễn Công Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2023/TLST-HS, ngày 11 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân H; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1991 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số X, đường T, thôn M, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1962) và bà Phạm Thị Đ (sinh năm 1960); có vợ là Lý Thị P và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có. Bị tạm giữ từ ngày 22/6/2023, tạm giam ngày 25/6/2023 đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Văn L; sinh ngày 07 tháng 8 năm 1991 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khố Y, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (sinh năm 1969) và bà Lê Thị Ánh T (sinh năm 1974); có vợ là Lê Kim O và 02

con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có. Bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023, tạm giam ngày 24/6/2023 đến nay. Có mặt.

3. Ngụy Đức T; sinh ngày 09 tháng 01 năm 1994 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Q, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngụy Chí H (sinh năm 1966) và bà Phạm Thị T (sinh năm 1969); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có. Bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023, tạm giam ngày 24/6/2023 đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Chị Lộc Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn M; sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà Z, đường Đ, khối V, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị S, sinh năm 1977. Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

3. Ông Bùi Xuân T; sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ R, phường G, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Ông Ngô Văn N; sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ M, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Phù Văn N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2023, Nguyễn Xuân H vào mạng xã hội Facebook, đăng bài viết trong hội nhóm “X” với nội dung quảng cáo bán đồ gỗ nội thất; nhận chở hàng cho khách các địa bàn trong và ngoài tỉnh. Đầu tháng 6 năm 2023, có tài khoản Facebook tên “TM” (không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ, hiện đang làm thuê tại

Trung Quốc) trao đổi qua ứng dụng Messenger với Nguyễn Xuân H, đặt vấn đề khi nào về Việt Nam cùng 03 đến 04 người nữa sẽ gọi Nguyễn Xuân H đến khu vực biên giới đón, đưa về bến xe phía Bắc, thành phố L, tiền công sẽ trả trực tiếp là 2.000.000 đồng/người. Nguyễn Xuân H đồng ý và gửi cho người phụ nữ này số điện thoại của mình.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 20/6/2023, người phụ nữ sử dụng tài khoản Facebook tên “TM” nhắn tin qua Messenger cho Nguyễn Xuân H biết chưa về Việt Nam mà chỉ có 04 người Việt Nam đang làm thuê tại Trung Quốc sẽ nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam, dặn Nguyễn Xuân H khoảng 02 giờ sáng ngày 21/6/2023 đến khu vực biên giới (chưa cho biết địa điểm) đón những người này đưa về bến xe phía Bắc. Người này nói đã gửi số điện thoại của Nguyễn Xuân H cho khách, khi nào khách về đến khu vực biên giới sẽ gọi Nguyễn Xuân H đi đón. Nguyễn Xuân H đồng ý.

Do Nguyễn Xuân H quen và biết Nguyễn Văn L có xe ô tô (loại 07 chỗ ngồi), thường xuyên chở khách từ thành phố L lên cửa khẩu T nên khoảng 01 giờ 30 phút ngày 21/6/2023, Nguyễn Xuân H điện thoại cho Ngụy Đức T và Nguyễn Văn L đến quán ăn đêm tại khu vực chợ đêm K thuộc phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Đến khoảng 02 giờ, khi cả ba người đang ngồi ăn đêm thì Nguyễn Xuân H nhận được cuộc gọi điện thoại của Vũ Thị N cho biết là vừa nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam, hiện đang ở khu vực biên giới tại tỉnh Lạng Sơn (không xác định được vị trí cụ thể), ngoài Vũ Thị N ra còn có thêm 03 người nữa. Nguyễn Xuân H nói sẽ thu mỗi người 2.000.000 đồng tiền xe và sẽ gửi số điện thoại của Ngụy Đức T cho Vũ Thị N để kết bạn qua ứng dụng Zalo để gửi vị trí đến đón. Sau đó, Nguyễn Xuân H bảo Nguyễn Văn L dùng xe ô tô của Nguyễn Văn L cùng Ngụy Đức T đi đón khách đưa về thành phố L, khi nào đón được khách thì thu của mỗi người là 2.000.000 đồng, Nguyễn Xuân H sẽ trả tiền công cho Nguyễn Văn L và Ngụy Đức T mỗi người 500.000 đồng.

Qua ứng dụng Zalo, Ngụy Đức T xem vị trí biết Vũ Thị N đang ở gần khu vực cửa khẩu H, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Ngụy Đức T bảo Vũ Thị N chờ ở đó, khi nào thấy có xe ô tô đến thì vẫy tay để đón. Khoảng 02 giờ 30 phút, sau khi ăn đêm xong Nguyễn Xuân H đưa cho Nguyễn Văn L 500.000 đồng tiền mua xăng. Sau đó, Nguyễn Văn L lái xe ô tô mang biển kiểm soát 30E - 04xxx chở Ngụy Đức T đi đón khách, còn Nguyễn Xuân H quay về phòng trọ ngủ.

Khoảng 03 giờ 45 phút, Nguyễn Văn L và Ngụy Đức T đi đến khu vực đồi núi gần cửa khẩu H, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thấy Vũ Thị N, Phạm Thị S, Phạm Văn C, Lộc Thị H đang đứng chờ cạnh đường bê tông. Khi 04 khách đã lên xe, Ngụy Đức T bảo mỗi người trả tiền xe là 2.000.000 đồng. Do Lộc Thị H và Vũ Thị N không có tiền Việt Nam nên đã đưa cho Ngụy Đức T

mỗi người 650 Nhân dân tệ. Phạm Văn C không mang theo tiền mặt nên Ngụy Đức T bảo Phạm Văn C chuyển tiền đến số tài khoản 1509199156xxx - ngân hàng B của Nguyễn Xuân H. Phạm Văn C gọi điện thoại cho em trai là Phạm Văn T bảo chuyển 2.000.0000 đồng đến số tài khoản của Nguyễn Xuân H. Đối với Phạm Thị S do không mang theo tiền nên nói khi nào đến bến xe Lạng Sơn sẽ bảo người nhà chuyển tiền trả.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 21/6/2023 khi xe đi đến thôn Nà Liên, xã Thanh Long, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì bị Tổ công tác Đoàn Biên phòng H phối hợp với phòng Phòng chống ma túy và tội phạm - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn, Phòng An ninh điều tra - Công an tỉnh Lạng Sơn đang thực hiện nhiệm vụ phát hiện, kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ của Ngụy Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen lắp kèm sim, 13 tờ tiền Nhân dân tệ loại mệnh giá 100NDT/tờ; thu giữ của Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng lắp kèm sim, 01 giấy phép lái xe và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn L.

Sáng ngày 21/6/2023, Nguyễn Xuân H gọi điện thoại cho Nguyễn Văn L và Ngụy Đức T nhưng không liên lạc được. Đoán biết Nguyễn Văn L và Ngụy Đức T đã bị bắt và được sự vận động của lực lượng chức năng, sáng ngày 22/6/2023 Nguyễn Xuân H đã đến Công an tỉnh Lạng Sơn đầu thú; thu giữ của Nguyễn Xuân H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen lắp kèm sim

Tại Kết luận giám định số 790/KL-KTHS ngày 19/7/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: 13 tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 100NDT/tờ, tổng cộng là 1.300NDT đều là tiền thật.

Tại Cáo trạng số 119/CT-VKSLS-P2 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn L và Ngụy Đức T về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Ngụy Đức T khai đã sử dụng các điện thoại bị thu giữ làm phương tiện liên lạc phục vụ hành vi đưa người nhập cảnh trái phép. Bị cáo Nguyễn Văn L khai không sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng vào việc phạm tội, bị cáo đề nghị được xin lại chiếc điện thoại, căn cước công dân và giấy phép lái xe. Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30E - 04xxx Nguyễn Văn L sử dụng để chở người nhập cảnh là xe của bố mẹ bị cáo bỏ tiền ra mua và sở hữu, việc bị cáo dùng chiếc xe này vào hành vi phạm tội bố mẹ của bị cáo không biết. Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo Nguyễn Xuân H đưa cho, bị cáo Nguyễn Văn L đã dùng để mua xăng xe hết.

Quá trình điều tra và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Văn T có đơn trình bày: Anh là em trai ruột của anh Phạm Văn C. Sáng ngày 21/6/2023, anh Phạm Văn C gọi điện thoại cho anh bảo chuyển số tiền 2.000.000 đồng đến số tài khoản của Nguyễn Xuân H để trả tiền xe taxi. Anh không biết và không liên quan đến hành vi nhập cảnh trái phép của anh Phạm Văn C và không có đề nghị xin nhận lại số tiền này, đề nghị Hội đồng xét xử sung Ngân sách Nhà nước và tiến hành xét xử vắng mặt anh. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo Nguyễn Xuân H đã nộp lại số tiền 2.000.000 đồng này vào cơ quan thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn M trình bày: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30E – 04xxx do vợ chồng ông bỏ tiền ra mua với ông Ngô Văn N vào tháng 4/2019, khi mua xe hai bên không làm giấy tờ mua bán mà chỉ trao đổi, thống nhất bằng lời nói. Thỉnh thoảng ông có cho bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng xe ô tô nhưng việc bị cáo sử dụng để đưa người nhập cảnh trái phép vợ chồng ông không biết. Giai đoạn điều tra gia đình ông đã nhận lại chiếc xe này và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra người làm chứng ông Ngô Văn N khai: Năm 2018, ông mua chiếc xe ô tô trên với ông Bùi Xuân T, quá trình mua bán xe giữa hai bên có làm giấy tờ viết tay nhưng hiện ông đã làm mất. Năm 2019, ông Ngô Văn N bán chiếc xe trên cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Xuân T. Qua xác minh xác định, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H, người làm chứng ông Ngô Văn N là đúng. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn M.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vũ Thị N, chị Lộc Thị H trình bày sự việc như nội dung nêu trên. Hành vi nhập cảnh trái phép của các chị đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Đối với số tiền 1300 Nhân dân tệ chị Vũ Thị N, chị Lộc Thị H không có yêu cầu nhận lại, đề nghị Hội đồng xét xử sung Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù; bị cáo Ngụy Đức T và Nguyễn Văn L mỗi bị cáo từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 03 tháng tù. Về xử lý vật chứng, áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen lắp kèm sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen lắp kèm sim, số tiền 1300 Nhân dân tệ và 2.000.000 đồng; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Iphone màu vàng, 01 giấy phép lái xe và 01 căn cước công dân. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận, không ai có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Văn T và những người làm chứng, người chứng kiến vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Ngày 21/6/2023 các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn L, Ngụy Đức T đã có hành vi tổ chức đón 04 người Việt Nam nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam để nhận tiền công.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực nhập cảnh ở Việt Nam. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nhằm mục đích vụ lợi.

[5] Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn L, Ngụy Đức T phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Xuân H đầu thú, có ông nội là liệt sỹ, đã nộp lại số tiền thu lợi

bất chính 2.000.000 đồng. Bị cáo Ngụy Đức T có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, bà nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Bị cáo Nguyễn Văn L có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, bà nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[9] Xét vai trò đồng phạm: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, bị cáo Nguyễn Xuân H giữ vai trò là người chủ mưu, nhận công việc, hứa hẹn việc tổ chức nhập cảnh trái phép, rủ rê, tạo điều kiện cho các bị cáo Ngụy Đức T, Nguyễn Văn L cùng thực hiện hành vi phạm tội và hứa trả 500.000 đồng tiền công cho các bị cáo này. Bị cáo Ngụy Đức T, Nguyễn Văn L là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, giữ vai trò giúp sức tích cực. Bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng xe ô tô của gia đình để từ thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đi đến khu vực cửa khẩu ở huyện V, tỉnh Lạng Sơn để đón những người nhập cảnh trái phép. Bị cáo Ngụy Đức T là người trực tiếp liên hệ điện thoại với người nhập cảnh nhằm xác định vị trí để bị cáo Nguyễn Văn L lái xe tới đón; trực tiếp thu tiền và cung cấp số tài khoản ngân hàng để nhận tiền phí nhập cảnh. Do vậy, đánh giá bị cáo Nguyễn Văn L và Ngụy Đức T có vai trò ngang nhau khi thực hiện hành vi phạm tội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen kèm sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen kèm sim là phương tiện bị cáo Ngụy Đức T và Nguyễn Xuân H sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 1.300 Nhân dân tệ là chi phí nhập cảnh mà chị Lộc Thị H và Vũ Thị N đưa cho bị cáo Ngụy Đức T; số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo Nguyễn Xuân H nộp lại tiền thu lợi bất chính nhận được từ anh Phạm Văn T, do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lộc Thị H, chị Vũ Thị N và anh Phạm Văn T không có nhu cầu nhận lại nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng kèm sim không liên quan đến hành vi phạm tội và 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn L là giấy tờ tùy thân nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L. Đối với 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30E – 04xxx mà bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng để chở người

Việt Nam nhập cảnh trái phép là xe thuộc sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Văn M; việc bị cáo sử dụng xe này vào việc phạm tội ông bà không biết. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M là đúng quy định.

[12] Đối với người phụ nữ sử dụng tài khoản Facebook tên “Thao My” và các đối tượng tổ chức cho Vũ Thị N, Phạm Thị S, Lộc Thị H, Phạm Văn C nhập cảnh trái phép, do không xác định được họ tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

[13] Đối với hành vi nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam của Vũ Thị N, Phạm Thị S, Lộc Thị H, Phạm Văn C đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[14] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Hình sự.

[16] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 47; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Đức T phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 22/6/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Đức T mỗi bị cáo 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 21/6/2023.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp

3.1. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng cũ đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim Viettel; số IMEI1: 3572760991170xxx; số IMEI2: 357276099055xxx.

- 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn L, số: 310175020xxx, cấp ngày 17/6/2022, nơi cấp: Sở Giao thông Vận tải Lạng Sơn.

- 01 (một) căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn L, số 020091001xxx, cấp ngày 25/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.2. Tịch sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen cũ đã qua sử dụng, bên trong có 02 sim Vinaphone, số IMEI1: 3503318025468xxx; số IMEI2: 3524062225468xxx.

- 01 (một) phong bì niêm phong bên trong chứa 13 (mười ba) tờ tiền Nhân dân tệ, loại mệnh giá 100NDT/01 tờ (đã giám định).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, đã cũ, màn hình bị nứt vỡ nhiều, số IMEI: 353815080176xxx, bên trong có 01 sim mạng Viettel. Tại thời điểm giao nhận, máy không mở nguồn được.

(Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận ngày 17/10/2023 giữa Điều tra viên thuộc Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn).

3.3. Tịch sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002574 ngày 31/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Án phí

Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Đức T mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến

quyền lợi, nghĩa vụ của mình bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/11/2023). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CQĐT Công an huyện Văn Lãng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hằng